Name: _____Class: _____

Succeed KET-Ngoại ngữ Link Education

Test 2-part 2

You will hear a man leaving his friend a message about a car.

👉 *Bạn sẽ nghe một người đàn ông để lại lời nhắn cho bạn mình về một chiếc xe hơi.*

M: Hi Emir! It's Samuel here. [ ] you asked me to look for a good car for you?
👉 Chào Emir! Samuel đây. Cậu còn nhớ cậu nhờ mình tìm giúp một chiếc xe tốt không?

Well, I think I have [ ] one.
👉 Mình nghĩ là mình đã tìm được một chiếc rồi.

The ad was on the college notice board outside the library and I met the woman selling it at the [ ].
👉 Quảng cáo được dán trên bảng thông báo của trường, bên ngoài thư viện, và mình đã gặp người phụ nữ bán xe ở căng-tin.

The car she's [ ] is really cheap.
👉 Chiếc xe cô ấy đang bán thực sự rất rẻ.

She [ ] it for £5,600, she was asking for £4,800 but as no one's been interested in it, (6) she'll give it to you for £4,200.
👉 Cô ấy mua xe với giá 5.600 bảng, ban đầu rao bán 4.800 bảng nhưng vì không có ai quan tâm nên **(6) cô ấy sẽ bán cho cậu với giá 4.200 bảng**.

LIVEWORKSHEETS

The car's quite new. She's only [ ] it for almost a year.
👉 Chiếc xe khá mới. Cô ấy chỉ sử dụng nó gần một năm thôi.

(7) She bought it on the 13th of August last year and she wants it [ ] by the 30th of the month.
👉 **(7) Cô ấy mua xe vào ngày 13 tháng 8 năm ngoái và muốn bán xong trước ngày 30 của tháng này.**

She says (8) you can call her on 675509872.
👉 Cô ấy nói **(8) cậu có thể gọi cho cô ấy theo số 675509872**.

I think you should call her soon or she'll sell it to someone else at this [ ].
👉 Mình nghĩ cậu nên gọi sớm, nếu không cô ấy sẽ bán cho người khác với mức giá này.

If she doesn't answer, (9) try [ ] her at sophieturner@mail.com.
👉 Nếu cô ấy không nghe máy, **(9) hãy thử gửi email cho cô ấy theo địa chỉ sophieturner@mail.com**.

That's S-O-P-H-I-E-T-U-R-N-E-R.
👉 Đánh vần là: S-O-P-H-I-E-T-U-R-N-E-R.

---

(10) She's free to meet in the evenings as she's usually in class in the mornings.
👉 **(10) Cô ấy rảnh gặp vào buổi tối vì buổi sáng thường có lớp học.**

LIVEWORKSHEETS

I’m sure you’ll find time that suits you both. Let me know what you think.

👉 Mình chắc hai người sẽ tìm được thời gian phù hợp. Hãy cho mình biết ý kiến của cậu nhé.

LIVEWORKSHEETS